

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (LẦN 2)
Học kỳ 1, năm học 2023 - 2024

Mã học phần: DAC0022

Tên học phần: Kế toán tài chính

Mã nhóm lớp học phần: 231_DAC0022_01, 02

Thời gian làm bài (phút): 75 phút

Hình thức thi: **Trắc nghiệm + Tự luận**

SV được tham khảo tài liệu: Có (**Chỉ sử dụng tài liệu giấy**) Không

Cách thức nộp bài phần tự luận: Sinh viên gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 ĐIỂM): (10 câu x 0,4 điểm/câu)

Câu 01: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu: Số dư chi tiết các khoản phải trả người bán tại công ty A ngày 31/12/N như sau: TK 331-X (dư Có) 220.000.000 đồng, TK 331-Y (dư Có) 180.000.000 đồng, TK 331-Z (dư Nợ) 30.000.000 đồng. Biết các khoản trên đều có thời hạn thanh toán trong năm N+1, thông tin trên được trình bày trên BCĐKT cuối tháng 12/N như thế nào?

- A. Chỉ tiêu Phải trả người bán ngắn hạn, mã số 311, số tiền 400.000.000 đồng
- B. Chỉ tiêu “Phải trả người bán dài hạn”, mã số 331, số tiền 370.000.000 đồng
- C. Chỉ tiêu “Phải trả người bán dài hạn”, mã số 331, số tiền 400.000.000 đồng
- D. Chỉ tiêu Phải trả người bán ngắn hạn, mã số 311, số tiền 370.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu:

Số dư chi tiết các khoản phải trả người bán tại công ty A ngày 31/12/N như sau: TK 331-X (dư Có) 220.000.000 đồng, TK 331-Y (dư Có) 180.000.000 đồng, TK 331-Z (dư Nợ) 30.000.000 đồng. Biết các khoản trên đều có thời hạn thanh toán trong năm N+3, thông tin trên được trình bày trên BCĐKT cuối tháng 12/N như thế nào?

- A. Chỉ tiêu “Phải trả người bán dài hạn”, mã số 331, số tiền 400.000.000 đồng
- B. Chỉ tiêu “Phải trả người bán dài hạn”, mã số 331, số tiền 370.000.000 đồng
- C. Chỉ tiêu Phải trả người bán ngắn hạn, mã số 311, số tiền 400.000.000 đồng

D. Chỉ tiêu Phải trả người bán ngắn hạn, mã số 311, số tiền 370.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 02: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu: Ngày 15/11/N, công ty A mua chịu 5 cái máy tính casio với đơn giá mua chưa thuế GTGT 500.000 đồng/cái, thuế suất GTGT được khấu trừ 10%, dùng ngay cho cửa hàng với thời gian phân bổ hợp lý là 2 kỳ. Kế toán tiến hành ghi số:

A. Nợ TK 242 2.500.000 Nợ TK 1331 250.000 Có TK 331 2.750.000	B. Nợ TK 153 2.500.000 Nợ TK 1331 250.000 Có TK 331 2.750.000
C. Nợ TK 6413 2.500.000 Nợ TK 1331 250.000 Có TK 331 2.750.000	D. Nợ TK 242 2.750.000 Có TK 331 2.750.000

ANSWER: A

Câu: Ngày 15/11/N, công ty A mua chịu 5 cái công cụ với đơn giá mua chưa thuế GTGT 80.000 đồng/cái, thuế suất GTGT được khấu trừ 10%, dùng ngay cho cửa hàng trong tháng 11/N. Kế toán tiến hành ghi số:

A. Nợ TK 6413 400.000 Nợ TK 1331 40.000 Có TK 331 440.000	B. Nợ TK 153 400.000 Nợ TK 1331 40.000 Có TK 331 440.000
C. Nợ TK 242 400.000 Nợ TK 1331 40.000 Có TK 331 440.000	D. Nợ TK 242 440.000 Có TK 331 440.000

ANSWER: A

Câu 03: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu: Ngày 01/10/N, công ty A mua trả góp một thiết bị dùng tại phòng kinh doanh với thời gian sử dụng ước tính 8 năm, giá mua trả tiền ngay chưa thuế 600.000.000đ, thuế GTGT 10%, lãi trả góp (không chịu thuế GTGT) là 45.000.000đ. Thời gian trả góp trong 24 tháng. Chi phí lắp đặt thiết bị thanh toán bằng tiền tạm ứng là 5.500.000 đồng, trong đó thuế GTGT 10%. Giả sử công ty tính thuế GTGT theo PP khấu trừ thuế. Nguyên giá tài sản cố định trên được xác định bằng:

- A. 605.000.000 đồng
- B. 645.000.000 đồng
- C. 650.000.000 đồng
- D. 650.500.000 đồng

ANSWER: A

Câu: Ngày 01/10/N, công ty A mua trả góp một thiết bị dùng tại phòng kinh doanh với thời gian sử dụng ước tính 8 năm, giá mua trả tiền ngay chưa thuế 600.000.000đ, thuế GTGT 10%, lãi trả góp (không chịu thuế GTGT) là 45.000.000đ. Thời gian trả góp trong 24 tháng. Chi phí lắp đặt thiết bị thanh toán bằng tiền tạm ứng là 5.500.000 đồng, trong đó thuế GTGT 10%. Giả sử công ty tính thuế GTGT theo PP khấu trừ thuế. Mức khấu hao trung bình năm của tài sản trên bằng:

- A. 75.625.000 đồng
- B. 80.625.000 đồng
- C. 81.250.000 đồng
- D. 82.312.500 đồng

ANSWER: A

Câu 04: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu: Ngày 15/10/N, công ty A nhận được chuyển khoản từ khách hàng X do A bán chịu cho X một lô hàng hóa trước đó với giá bán chưa thuế 200.000.000 đồng, thuế suất GTGT được khấu trừ 10%, đã nhận ứng trước của X là 50.000.000 đồng trong tháng 9/N. Kế toán công ty A định khoản tại ngày 15/10/N như sau:

<p>A. Nợ TK 112: 170.000.000 Có TK 131: 170.000.000</p>	<p>C. Nợ TK 112: 220.000.000 Có TK 5111: 200.000.000 Có TK 33311 20.000.000</p>
<p>B. Nợ TK 112: 150.000.000 Có TK 131: 150.000.000</p>	<p>D. Nợ TK 112: 170.000.000 Nợ TK 131: 50.000.000 Có TK 5111: 200.000.000 Có TK 33311 20.000.000</p>

ANSWER: A

Câu: Ngày 15/10/N, công ty A nhận được chuyển khoản từ khách hàng X do A bán chịu cho X một lô hàng hóa trước đó với giá bán chưa thuế 200.000.000 đồng, thuế suất GTGT được khấu trừ 10%, đã nhận ứng trước của X là 50.000.000 đồng trong tháng 9/N. Kế toán công ty X định khoản tại ngày 15/10/N như sau:

A. Nợ TK 331: 170.000.000 Có TK 112: 170.000.000	C. Nợ TK 1561: 200.000.000 Nợ TK 1331 20.000.000 Có TK 112 220.000.000
B. Nợ TK 331: 150.000.000 Có TK 112: 150.000.000	D. Nợ TK 1561: 200.000.000 Nợ TK 1331 20.000.000 Có TK 331 50.000.000 Có TK 112 170.000.000

ANSWER: A**Câu 05: Random 1 trong 2 câu dưới đây**

Câu: Ngày 31/12/N, công ty Z phát hành 200 tờ trái phiếu thường có kỳ hạn 5 năm để huy động vốn, giá phát hành 1.200.000 đồng/tờ, mệnh giá 1.000.000 đồng/tờ, đã thu chuyển khoản, lãi thanh toán sau 6 tháng 1 lần vào ngày 30/6 và 31/12 với lãi suất danh nghĩa 8%/năm. Công ty không lập báo cáo tài chính giữa niên độ, bút toán nhật ký được ghi nhận tại thời điểm phát hành trái phiếu:

A. Nợ TK 1121 240.000.000 Có TK 34311 200.000.000 Có TK 34313 40.000.000	C. Nợ TK 1121 200.000.000 Nợ TK 34312 40.000.000 Có TK 34311 240.000.000
B. Nợ TK 1121 240.000.000 Có TK 34311 200.000.000 Có TK 34312 40.000.000	D. Nợ TK 1121 200.000.000 Nợ TK 34313 40.000.000 Có TK 34311 240.000.000

ANSWER: A

Câu: Ngày 31/12/N công ty Z phát hành 200 tờ trái phiếu thường có kỳ hạn 5 năm để huy động vốn, giá phát hành 900.000 đồng/tờ, mệnh giá 1.000.000 đồng/tờ, đã thu chuyển khoản, lãi thanh toán sau 6 tháng 1 lần vào ngày 30/6 và 31/12 với lãi suất danh nghĩa

8%/năm. Công ty không lập báo cáo tài chính giữa niên độ, bút toán nhật ký được ghi nhận tại thời điểm phát hành trái phiếu:

A. Nợ TK 1121	180.000.000	C. Nợ TK 1121	200.000.000
Nợ TK 34312	20.000.000	Có TK 34311	180.000.000
Có TK 34311	200.000.000	Có TK 34313	20.000.000
B. Nợ TK 1121	200.000.000	D. Nợ TK 1121	180.000.000
Có TK 34311	180.000.000	Nợ TK 34313	20.000.000
Có TK 34312	20.000.000	Có TK 34311	200.000.000

ANSWER: A

Câu 06: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu: Ngày 01/06/N, công ty A chuyển khoản mua 100 tờ cổ phiếu (mục đích thương mại), kỳ hạn 12 tháng, mệnh giá 1.000.000đồng/tờ, lãi 7%/năm nhận trước 1 lần ngay khi mua, ngân hàng phát hành với giá 1.150.000đ/tờ. Biết rằng công ty áp dụng kỳ kế toán là tháng, kế toán ghi nhận bút toán tại ngày 01/06/N như thế nào?

A. Nợ TK 1211	115.000.000	C. Nợ TK 1211	115.000.000
Có TK 3387	7.000.000	Có TK 515	7.000.000
Có TK 1121	108.000.000	Có TK 1121	108.000.000
B. Nợ TK 1211	100.000.000	D. Nợ TK 1211	100.000.000
Có TK 3387	7.000.000	Có TK 3387	7.000.000
Có TK 1121	93.000.000	Có TK 1121	93.000.000

ANSWER: A

Câu: Ngày 01/06/N, công ty A chuyển khoản mua 100 tờ cổ phiếu (mục đích thương mại), kỳ hạn 12 tháng, mệnh giá 1.000.000đồng/tờ, lãi 7%/năm nhận trước 1 lần ngay khi mua, ngân hàng phát hành với giá 1.100.000đ/tờ. Biết rằng công ty áp dụng kỳ kế toán là tháng, kế toán ghi nhận bút toán tại ngày 01/06/N như thế nào?

A. Nợ TK 1211	110.000.000	C. Nợ TK 1211	110.000.000
Có TK 3387	7.000.000	Có TK 515	7.000.000
Có TK 1121	103.000.000	Có TK 1121	103.000.000
B. Nợ TK 1211	100.000.000	D. Nợ TK 1211	100.000.000
Có TK 3387	7.000.000	Có TK 3387	7.000.000
Có TK 1121	93.000.000	Có TK 1121	93.000.000

ANSWER: A**Câu 07: Random 1 trong 2 câu dưới đây**

Câu: Công ty X chuyển nhượng 100.000 cổ phiếu đang đầu tư vào công ty Y với giá chuyển nhượng là 20.000 đồng/cổ phần đã thu bằng chuyển khoản. Sau khi chuyển nhượng, công ty X chỉ còn nắm giữ 18% quyền biểu quyết công ty Y. Biết số dư đầu kỳ TK 222_Y là 5.000.000.000đ (tương ứng với 400.000 cổ phiếu). Kế toán ghi:

A. Nợ TK 1121 2.000.000.000 Có TK 222_Y 1.250.000.000 Có TK 515 750.000.000 Đồng thời ghi: Nợ TK 228_Y 3.750.000.000 Có TK 222_Y 3.750.000.000	B. Nợ TK 1121 2.000.000.000 Có TK 222_Y 2.000.000.000 Đồng thời ghi: Nợ TK 228_Y 3.000.000.000 Có TK 222_Y 3.000.000.000
C. Nợ TK 1121 2.000.000.000 Có TK 222_Y 1.250.000.000 Có TK 515 750.000.000	D. Nợ TK 1121 2.000.000.000 Có TK 222_Y 2.000.000.000

ANSWER: A

Câu: Công ty X chuyển nhượng 100.000 cổ phiếu đang đầu tư vào công ty Y với giá chuyển nhượng là 20.000 đồng/cổ phần đã thu bằng chuyển khoản. Sau khi chuyển nhượng, công ty X chỉ còn nắm giữ 40% quyền biểu quyết công ty Y. Biết số dư đầu kỳ TK 221_Y là 5.000.000.000đ (tương ứng với 400.000 cổ phiếu). Kế toán ghi:

A. Nợ TK 1121 2.000.000.000 Có TK 221_Y 1.250.000.000 Có TK 515 750.000.000 Đồng thời ghi: Nợ TK 222_Y 3.750.000.000 Có TK 221_Y 3.750.000.000	B. Nợ TK 1121 2.000.000.000 Có TK 221_Y 2.000.000.000 Đồng thời ghi: Nợ TK 222_Y 3.000.000.000 Có TK 221_Y 3.000.000.000
C. Nợ TK 1121 2.000.000.000 Có TK 221_Y 1.250.000.000 Có TK 515 750.000.000	D. Nợ TK 1121 2.000.000.000 Có TK 221_Y 2.000.000.000

--	--

ANSWER: A

Câu 08: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu:

Khách hàng A xuất trả 3 sản phẩm không đạt yêu cầu về chất lượng, biết thông tin chi tiết có liên quan như sau: DN đã bán 20 sản phẩm từ tháng trước với giá bán chưa thuế 10.000.000 đồng, thuế suất GTGT được khấu trừ 10%, điều kiện thanh toán 1/10, n/30 theo phương thức trả chậm. Số tiền còn phải thu của khách hàng A sau nghiệp vụ trả lại hàng bán được xác định bằng bao nhiêu?

- A. 187.000.000 đồng
- B. 167.000.000 đồng
- C. 190.000.000 đồng
- D. 170.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu:

Công ty A xuất trả 2 sản phẩm không đạt yêu cầu về chất lượng, biết thông tin chi tiết có liên quan như sau: công ty đã mua 20 sản phẩm từ tháng trước với giá mua chưa thuế 10.000.000 đồng, thuế suất GTGT được khấu trừ 10%, điều kiện thanh toán 1/10, n/30 theo phương thức trả chậm. Số tiền còn phải trả cho người bán sau nghiệp vụ trả lại hàng mua được xác định bằng bao nhiêu?

- A. 198.000.000 đồng
- B. 178.000.000 đồng
- C. 200.000.000 đồng
- D. 181.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 09: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu:

Ngày 15/11/N, cửa hàng của công ty A bảo hỏng một chiếc máy in HP và đã thanh lý thu hồi được 1.000.000 đồng bằng tiền mặt. Biết máy in này được mua về sử dụng từ tháng 6/N với giá mua chưa thuế 18.000.000 đồng, thuế suất thuế GTGT 10%, thời gian phân bổ hợp lý 12 tháng bắt đầu từ tháng 6. Công ty A áp dụng kỳ kế toán tháng và ghi nhận thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán công ty A xác định chi phí bán hàng phát sinh trong tháng 11/N liên quan đến công cụ bị hỏng trên bằng bao nhiêu?

- A. 9.500.000 đồng
- B. 10.500.000 đồng
- C. 7.500.000 đồng
- D. 18.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu:

Ngày 15/10/N, cửa hàng của công ty A bảo hỏng một chiếc máy in HP và đã thanh lý thu hồi được 1.000.000 đồng bằng tiền mặt. Biết máy in này được mua về sử dụng từ tháng 6/N với giá mua chưa thuế 18.000.000 đồng, thuế suất thuế GTGT 10%, thời gian phân bổ hợp lý 12 tháng bắt đầu từ tháng 6. Công ty A áp dụng kỳ kế toán tháng và ghi nhận thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán công ty A xác định chi phí bán hàng phát sinh trong tháng 10/N liên quan đến công cụ bị hỏng trên bằng bao nhiêu?

- A. 11.000.000 đồng
- B. 12.000.000 đồng
- C. 6.000.000 đồng
- D. 18.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 10: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu:

Ngày 10/12/N, công ty A thanh lý một tài sản cố định đang sử dụng cho bộ phận bán hàng có nguyên giá 210.000.000 đồng, đã khấu hao được 148.000.000đ với giá bán chưa thuế là 70.000.000đ, thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ 10%, tiền thu đủ bằng chuyển khoản. Chi phí phục vụ cho việc thanh lý tài sản chi ngay bằng tạm ứng là 5.610.000đ, trong đó

thuế GTGT được khấu trừ 10%. Định khoản để ghi nhận thu nhập do thanh lý tài sản này là:

A. Nợ TK 112 77.000.000 Có TK 711 70.000.000 Có TK 333 7.000.000	C. Nợ TK 112 77.000.000 Có TK 711 77.000.000
B. Nợ TK 811 5.100.000 Nợ TK 133 510.000 Có TK 141 5.610.000	D. Nợ TK 811 62.000.000 Nợ TK 214 48.000.000 Có TK 211 210.000.000

ANSWER: A

Câu:

Ngày 10/12/N, công ty A thanh lý một tài sản cố định đang sử dụng cho bộ phận bán hàng có nguyên giá 210.000.000 đồng, đã khấu hao được 148.000.000đ với giá bán chưa thuế là 70.000.000đ, thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ 10%, tiền thu đủ bằng chuyển khoản. Chi phí phục vụ cho việc thanh lý tài sản trả ngay bằng tạm ứng là 5.610.000đ, trong đó thuế GTGT được khấu trừ 10%. Định khoản để ghi nhận chi phí phục vụ thanh lý tài sản này là:

A. Nợ TK 811 5.100.000 Nợ TK 133 510.000 Có TK 141 5.610.000	C. Nợ TK 112 77.000.000 Có TK 711 77.000.000
B. Nợ TK 112 77.000.000 Có TK 711 70.000.000 Có TK 333 7.000.000	D. Nợ TK 811 62.000.000 Nợ TK 214 48.000.000 Có TK 211 210.000.000

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (6,0 ĐIỂM)

Câu TL1

Một số thông tin kế toán tại công ty cổ phần Anh Minh chuyên sản xuất, kinh doanh mặt hàng A.

Tài liệu 1: Một số chính sách tại công ty

- Kỳ kế toán tháng;
- Quản lý hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên;
- Tính giá xuất hàng tồn kho theo phương pháp nhập trước xuất trước;

- Trích khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) theo phương pháp đường thẳng;
- kê khai, tính thuế Giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ.

Tài liệu 2: Số dư ngày 1/11/N của một số tài khoản như sau

<i>Số dư</i>	<i>Thông tin có liên quan</i>
TK 153 27.000.000 đồng	3 cái máy POS tính tiền có giá gốc 9.000.000 đồng/cái
TK 1211_X:120.000.000 đồng	10 tờ trái phiếu mua trực tiếp từ công ty X nhằm mục đích kiếm lời, kỳ hạn 3 năm, ngày đáo hạn 31/3/N+2, lãi suất 8%/năm, lãnh lãi khi đáo hạn, mệnh giá mỗi tờ 10.000.000đ (nắm giữ tới đáo hạn)
TK 2281_Ánh Thiên: 1.500.000.000 đồng	100.000 cổ phần của công ty Ánh Thiên
TK 331_N (Dư Nợ): 20.000.000 đồng	Ứng trước tiền mua nguyên vật liệu cho công ty N

- Các tài khoản khác có số dư hợp lý.

Yêu cầu: Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty trong tháng 11/N.

1.a.1. Ngày 03, công ty thanh lý một xe tải chở hàng có nguyên giá 600.000.000 đồng, thời gian sử dụng hữu ích 10 năm, khấu hao lũy kế 540.000.000 đồng, giá thanh lý chưa thuế GTGT 100.000.000 đồng, thuế suất GTGT 10%, đã thu ngay bằng chuyển khoản. Chi phí tân trang xe chưa tính thuế GTGT trước khi thanh lý là 10.000.000 đồng, thuế suất GTGT 10% đã thanh toán bằng tiền tạm ứng. **(1,5 điểm)**

1.a.2. Ngày 05, công ty nhập kho lô nguyên liệu với tổng giá mua chưa thuế GTGT là 70.000.000 đồng từ công ty N, thuế suất GTGT 10%. Cùng ngày, công ty chuyển khoản thanh toán luôn số tiền còn nợ cho người bán **(0,5 điểm)**

1.a.3. Ngày 10, công ty xuất kho 2 máy POS tính tiền ra sử dụng tại cửa hàng với thời gian phân bổ giá trị hợp lý là 18 tháng, bắt đầu từ tháng này. **(0,5 điểm)**

1.a.4. Ngày 12, công ty bán toàn bộ trái phiếu của công ty X với giá bán 150.000.000 đồng/tờ thu ngay bằng chuyển khoản. Chi phí môi giới 0,5% trên tổng giá bán đã trả bằng tiền mặt **(1,0 điểm)**

1.a.5. Ngày 15, công ty chi tiền mặt 1.000.000 đồng mua một số văn phòng phẩm sử dụng ngay lại bộ phận văn phòng trong tháng 11/N. **(0,5 điểm)**

1.a.6. Ngày 27, công ty chuyển khoản mua thêm 500.000 cổ phần của công ty Ánh Thiên, giá mua 20.000 đồng/cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, chi phí giao dịch là 20.000.000 đồng đã thanh toán bằng chuyển khoản. Tỷ lệ quyền biểu quyết đối với công ty Ánh Thiên tính đến thời điểm này là 32%. **(1,5 điểm)**

1.a.7. Ngày 30, lập bút toán điều phân bổ chi phí công cụ dụng cụ nhiều kỳ ở cửa hàng (2 cái máy tính tiền POS). **(0,5 điểm)**

Câu TL2:

Một số thông tin kế toán tại công ty cổ phần Anh Minh chuyên sản xuất, kinh doanh mặt hàng A.

Tài liệu 1: Một số chính sách tại công ty

- Kỳ kế toán tháng;
- Quản lý hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên;
- Tính giá xuất hàng tồn kho theo phương pháp nhập trước xuất trước;
- Trích khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) theo phương pháp đường thẳng;
- Kê khai, tính thuế Giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ.

Tài liệu 2: Số dư ngày 1/11/N của một số tài khoản như sau

<i>Số dư</i>	<i>Thông tin có liên quan</i>
TK 153 24.000.000 đồng	4 cái máy POS tính tiền có giá gốc 6.000.000 đồng/cái
TK 1211_X:120.000.000 đồng	10 tờ trái phiếu mua trực tiếp từ công ty X nhằm mục đích kiếm lời, kỳ hạn 3 năm, ngày đáo hạn 31/3/N+2, lãi suất 8%/năm, lãnh lãi khi đáo hạn, mệnh giá mỗi tờ 10.000.000đ (nắm giữ tới đáo hạn)
TK 221_Ánh Thiên: 3.000.000.000 đồng	100.000 cổ phần của công ty Ánh Thiên
TK 331_N (Dư Nợ): 40.000.000 đồng	Ứng trước tiền mua nguyên vật liệu cho công ty N

- Các tài khoản khác có số dư hợp lý.

Yêu cầu: Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty trong tháng 11/N.

1.b.1. Ngày 02, công ty nhập kho lô nguyên liệu với tổng giá mua chưa thuế GTGT là 90.000.000 đồng từ công ty N, thuế suất GTGT 10%. Cùng ngày, công ty chuyển khoản thanh toán luôn số tiền còn nợ cho người bán **(0,5 điểm)**

1.b.2. Ngày 05, công ty thanh lý một xe tải chở hàng có nguyên giá 800.000.000 đồng, thời gian sử dụng hữu ích 10 năm, khấu hao lũy kế 640.000.000 đồng, giá thanh lý chưa thuế GTGT 160.000.000 đồng, thuế suất GTGT 10%, đã thu ngay bằng chuyển khoản. Chi phí tân trang xe chưa tính thuế GTGT trước khi thanh lý là 20.000.000 đồng, thuế suất GTGT 10% đã thanh toán bằng tiền tạm ứng. **(1,5 điểm)**

1.b.3. Ngày 10, công ty xuất kho 2 máy POS tính tiền ra sử dụng tại cửa hàng với thời gian phân bổ giá trị hợp lý là 12 tháng, bắt đầu từ tháng này. **(0,5 điểm)**

1.b.4. Ngày 12, công ty bán $\frac{1}{2}$ cổ phần của công ty Ánh Thiên với tổng giá bán 2.000.000.000 đồng, đã thu bằng chuyển khoản. Chi phí môi giới 0,3% trên giá bán đã trả bằng chuyển khoản. Tỷ lệ quyền biểu quyết đối với công ty Ánh Thiên tính đến thời điểm này là 32%. **(1,5 điểm)**

1.b.5. Ngày 15, công ty chi tiền mặt 500.000 đồng mua một số văn phòng phẩm sử dụng ngay lại cửa hàng trong tháng 11/N. **(0,5 điểm)**

1.b.6. Ngày 27, công ty bán toàn bộ trái phiếu của công ty X với giá bán 160.000.000 đồng/tờ thu ngay bằng chuyển khoản. Chi phí môi giới 0,3% trên tổng giá bán đã trả bằng tiền mặt **(1,0 điểm)**

1.b.7. Ngày 30, lập bút toán điều phân bổ chi phí công cụ dụng cụ nhiều kỳ ở cửa hàng (2 cái máy tính tiền POS). **(0,5 điểm)**

Đáp án (6,0 điểm)

Câu TL1

1.a.1.

NỢ TK 112 110.000.000

CÓ TK 711 100.000.000 (0.5 điểm)

CÓ TK 3331 10.000.000

NỢ TK 811 60.000.000 (0.5 điểm)

NỢ TK 214 540.000.000

CÓ TK 211 600.000.000

NỢ TK 811 10.000.000 (0.5 điểm)

NỢ TK 133 1.000.000

CÓ TK 141 11.000.000

1.a.2.

NỢ TK 152 70.000.000 (0.5 điểm)

NỢ TK 133 7.000.000

CÓ TK 331-N (ỨNG TRƯỚC) 20.000.000

CÓ TK 112 57.000.000

1.a.3. (0,5 điểm)

NỢ TK 242 18.000.000

CÓ TK 153 18.000.000

1.a.4.

NỢ TK 112 150.000.000 (0.5 điểm)

CÓ TK 1211X 120.000.000

CÓ TK 515 30.000.000

NỢ TK 635 750.000

CÓ TK 111 750.000 (0.5 điểm)

1.a.5.

NỢ TK 6423 1.000.000

CÓ TK 111 1.000.000 (0,5 điểm)

1.a.6.

NỢ TK 2281-ÁNH THIÊN 10.000.000.000

CÓ TK 112 10.000.000 (0,5 điểm)

NỢ TK 2281-ÁNH THIÊN 20.000.000

CÓ TK 112 20.000.000 (0,5 điểm)

NỢ TK 222-ÁNH THIÊN 11.520.000.000

CÓ TK 2281-ÁNH THIÊN 11.520.000.000 (0,5 điểm)

1.a.7. (0,5 điểm)

NỢ TK 6413 1.000.000 (=18.000.000/18 THÁNG)

CÓ TK 242 1.000.000

Câu TL2:

1.b.1.

NỢ TK 152	90.000.000	(0.5 điểm)
NỢ TK 133	9.000.000	
CÓ TK 331-N (ỨNG TRƯỚC)	40.000.000	
CÓ TK 112	59.000.000	

1.b.2.

NỢ TK 112	176.000.000	
CÓ TK 711	160.000.000	(0.5 điểm)
CÓ TK 3331	16.000.000	
NỢ TK 811	140.000.000	(0.5 điểm)
NỢ TK 214	640.000.000	
CÓ TK 211	800.000.000	
NỢ TK 811	20.000.000	(0.5 điểm)
NỢ TK 133	2.000.000	
CÓ TK 141	22.000.000	

1.b.3.

NỢ TK 242	12.000.000	
CÓ TK 153	12.000.000	(0.5 điểm)

1.b.4.

NỢ TK 112	2.000.000.000	
CÓ TK 221	1.500.000.000	(=1/2 x 3.000.000.000)
CÓ TK 515	500.000.000	(0.5 điểm)
NỢ TK 635	6.000.000	(=0,3% x 2.000.000.000)
CÓ TK 112	6.000.000	(0.5 điểm)
NỢ TK 222	1.500.000.000	
CÓ TK 221	1.500.000.000	(0.5 điểm)

1.b.5.

NỢ TK 6413	500.000	
CÓ TK 111	500.000	

1.b.6.

NỢ TK 112	160.000.000	(0.5 điểm)
-----------	-------------	------------

CÓ TK 1211X	120.000.000		
CÓ TK 515	40.000.000		
NỢ TK 635	480.000		
	CÓ TK 111	480.000	(0.5 điểm)
1.b.7.			
NỢ TK 6413	1.000.000	(=12.000.000/12 THÁNG)	
	CÓ TK 242	1.000.000	

Ngày biên soạn: 7/11/2023

Giảng viên biên soạn đề thi: ThS. Nguyễn Thị Kim Phụng

Giảng viên phản biện đề thi: ThS. Lê Ngọc Anh

Ngày kiểm duyệt:

Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn kiểm duyệt đề thi: NCS.ThS. Nguyễn Thị Thu Vân

Sau khi kiểm duyệt đề thi, **Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn** gửi về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (được đặt password trên 1 file nén/lần gửi) và nhắn tin password + họ tên GV gửi qua Số điện thoại Thầy Phan Nhật Linh (**0918.01.03.09**).

Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ thêm Quý Thầy Cô.